

Số: /TB - UBND

Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2026

### THÔNG BÁO

#### Niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND xã Chí Minh

Thực hiện Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân xã thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND cấp xã.

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

Chi tiết Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Chí Minh tại địa chỉ: <https://chiminhaiphong.gov.vn>.

Ủy ban nhân dân xã Chí Minh thông báo để các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã và các tổ chức cá nhân có liên quan biết và thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chí Minh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)**

ST T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1.	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	1. Thời gian giải quyết tại địa phương: - Cơ quan chủ quản cho ý kiến: <b>05 ngày làm việc.</b> - Sở Tư pháp thẩm định và lấy ý kiến: <b>20 ngày:</b> + Sở Tư pháp địa phương khác phối hợp lấy ý kiến (trường hợp cha mẹ đẻ/giám hộ ở địa phương khác): <b>05 ngày làm việc.</b>	1. Thời gian giải quyết tại địa phương: - Cơ quan chủ quản cho ý kiến: <b>2.5 ngày làm việc.</b> - Sở Tư pháp thẩm định & lấy ý kiến: <b>10 ngày:</b> + Sở Tư pháp địa phương khác phối hợp lấy ý kiến (trường hợp cha mẹ đẻ/giám hộ ở địa phương khác): <b>05 ngày làm việc.</b>	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	- Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con		x	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;

		<p>+ Công an xác minh nguồn gốc (trường hợp trẻ bị bỏ rơi): <b>30 ngày</b></p> <p>+ Niêm yết thông báo (nếu không tìm được cha mẹ): <b>60 ngày</b>.</p> <p>- Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ: <b>30 ngày</b></p> <p>- UBND thành phố cho ý kiến về việc giới thiệu: <b>10 ngày</b></p> <p>- Sở Tư pháp thực hiện lại việc giới thiệu trẻ: <b>90 ngày</b> (UBND thành phố không đồng ý)</p> <p>- Sở Tư pháp chuyển hồ sơ lên Cục (sau khi tỉnh đồng ý): <b>05 ngày làm việc</b>.</p> <p>- UBND thành phố ban hành Quyết định cho con nuôi: <b>15 ngày</b></p> <p>- Người nhận đến Việt Nam nhận con: <b>60 ngày</b> (tối đa 90 ngày nếu có lý do chính đáng)</p> <p>2. Thời hạn thay đổi ý kiến đồng ý về việc</p>	<p>+ Công an xác minh nguồn gốc (trường hợp trẻ bị bỏ rơi): <b>30 ngày</b></p> <p>+ Niêm yết thông báo (nếu không tìm được cha mẹ): <b>60 ngày</b>.</p> <p>- Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ: <b>30 ngày</b></p> <p>- Sở Tư pháp chuyển hồ sơ lên Cục (sau khi tỉnh đồng ý): <b>2.5 ngày làm việc</b>.</p> <p>- Sở Tư pháp ban hành Quyết định cho con nuôi: <b>7.5 ngày</b></p> <p>- Người nhận đến Việt Nam nhận con: <b>60 ngày</b> (tối đa 90 ngày nếu có lý do chính đáng)</p> <p>2. Thời hạn thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi</p> <p>- Thời hạn thay đổi ý kiến (cho cha mẹ</p>	<p>nuôi nước ngoài.</p> <p>- Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p>			<p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/ 2025;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP</p>
--	--	---	---	--	--	--	---

			<p>cho trẻ em làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thay đổi ý kiến (cho cha mẹ đẻ/giám hộ): <b>22 ngày làm việc</b></li> </ul> <p>3. Thời gian giải quyết tại Trung ương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Hành chính tư pháp thẩm định hồ sơ người nhận: <b>15 ngày</b></li> <li>- Cục Hành chính tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết: <b>30 ngày</b></li> <li>- Cục thông báo cho Sở (khi nước ngoài đồng ý): <b>15 ngày</b></li> </ul>	<p>đẻ/giám hộ): <b>22 ngày làm việc</b></p> <p>3. Thời gian giải quyết tại Trung ương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Hành chính tư pháp thẩm định hồ sơ người nhận: <b>15 ngày</b></li> <li>- Cục Hành chính tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết: <b>30 ngày</b></li> <li>- Cục thông báo cho Sở (khi nước ngoài đồng ý): <b>15 ngày</b></li> </ul>					<p>ngày 28 tháng 12 năm 2021;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.</li> </ul>
2.	1.004878	<p>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại địa phương: 35 ngày và 22 ngày làm việc;</li> <li>- Tại Trung ương: 60 ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại địa phương: 17.5 ngày và 22 ngày làm việc;</li> <li>- Tại Trung ương: 60 ngày</li> </ul>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công phố và cấp xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</li> <li>- Mức thu chi phí:</li> </ul>		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> </ul>

		nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi				Không quy định.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> <li>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/ 2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP</li> </ul>
--	--	---	--	--	--	-----------------	--	--	---

									ngày 29 tháng 9 năm 2023.
3.	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	35 ngày và 10 ngày làm việc	17.5 ngày và 10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố và cấp xã	4.500.000 đồng/trường hợp		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/ 2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</li> </ul>

									<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.</li> </ul>
4.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.	Trong thời hạn 7.5 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	Không quy định	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> </ul>



## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

ST T	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú giống nhau: <b>07 ngày làm việc</b>;</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú khác nhau: <b>12 ngày làm việc</b></li> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: <b>10 ngày</b>;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú giống nhau: <b>3.5 ngày làm việc</b>;</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và tạm trú khác nhau: <b>12 ngày làm việc</b></li> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: <b>10 ngày</b></li> <li>- Thời gian những người liên quan thay</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí: 400.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi;</li> </ul>		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> </ul>

			<p>đôi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: <b>10 ngày làm việc</b></p> <p>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: <b>05 ngày</b>, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>	<p>đôi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: <b>10 ngày làm việc</b></p> <p>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: <b>05 ngày</b>, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>		<p>cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.</li> </ul>
2.	1.003005	Giải quyết việc người	- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến	- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến	Trung tâm	4.500.000 đồng/		x	- Luật Nuôi con nuôi;

		<p>nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</p>	<p>những người liên quan: <b>10 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: <b>10 ngày làm việc</b>, kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Sở Tư pháp có ý kiến: <b>08 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.</li> </ul>	<p>những người liên quan: <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: <b>10 ngày làm việc</b>, kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Sở Tư pháp có ý kiến: <b>04 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: <b>05 ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.</li> </ul>	<p>Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã</p>	<p>trường hợp</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;</li> </ul>
--	--	--	---	---	--	-------------------	--	--	--

									- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.
3.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày	5 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	Không quy định	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011;</li> <li>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022;</li> <li>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020;</li> </ul>

									- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023.
4.	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã	75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	x		- Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; - Nghị định 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025; - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;

